

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LĂK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DSST.

Ngày: 16-9-2024.

V/v: “*Kiện tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thúc.

2. Ông Y Dhiểu Hmok.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2024 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-DS, ngày 22/5/2024, về việc “*Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐST-DS ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 26/8/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình Kh, sinh năm 1960. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tân S, xã E, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1972 và bà Mai Thị Ngọc Nhu sinh năm 1971. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn Tây H 2, xã Cư B, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh là nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 12/8/2020 ông Kh cho ông M, bà Nh vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 12/8/2021.

Đến hạn ông Kh đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông M, bà Nh không có thiện chí trả nợ, nay Kh yêu cầu ông M, bà Nh phải có nghĩa vụ trả cho ông Kh số tiền nợ 50.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ông Kh yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh là bị đơn trình bày:

Bà Nh thừa nhận vào ngày 12/8/2020 vợ chồng bà Nh, ông M ký giấy vay của ông Kh số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn trả nợ vào ngày 12/8/2021. Do làm ăn gặp khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho ông Kh, bà Nh thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là do vợ chồng bà Nh, ông M ký, nay bà Nh xin hẹn trả nợ này cho ông Kh trong vòng ba năm.

Về lãi suất: Ông M, bà Nh xin không trả lãi suất theo quy định của pháp luật, chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc 50.000.000 đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc ông Kh khởi kiện yêu cầu ông M, bà Nh trả cho ông Kh số tiền nợ 50.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Lê Đình Kh khởi kiện ông Hoàng Văn M, bà Mai Thị Ngọc Nh tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông M, bà Nh đã được Tòa án triệu tập đến để tham gia phiên tòa, nhưng ông M, bà Nh vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung: Ngày 12/8/2020 ông Kh cho ông M, bà Nh vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 12/8/2021. Đến hạn ông Kh đến đòi nợ nhưng ông M, bà Nh không có thiện chí trả nợ, nay Kh yêu cầu ông M, bà Nh phải có nghĩa vụ trả cho ông Kh số tiền nợ 50.000.000 đồng. Bà Nh xin trả số nợ trong vòng ba năm, nhưng ông Kh không đồng ý.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 12/8/2020 do ông Kh cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh cũng đã thừa nhận có ký giấy xác nhận vay ông Kh số tiền 50.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông Kh, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Đối với ông M chồng bà Nh đã được bà Nh thông báo về việc ông Kh khởi kiện, nhưng ông M không có ý kiến gì cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Kh. Như vậy, ông M đã thừa nhận việc ông M, bà Nh ký giấy vay ông Kh số tiền nói trên và việc ông Kh khởi kiện là đúng (theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một hoặc hai người thực hiện), nên cần buộc ông M, bà Nh phải có nghĩa vụ đối với số tiền ông Kh khởi kiện.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ ông M, bà Nh không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Kh là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền đề ngày 12/8/2020 các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ và có thỏa thuận lãi, nên đây là HĐ vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. “Lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng, tương ứng với 24%/năm”, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá 20%/năm, nên phần lãi suất vượt quá không được chấp nhận, chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất tính như sau:

Lãi suất trong hạn:

Lãi suất từ ngày 12/8/2020 đến ngày 12/8/2021 là 12 tháng (360 ngày), cụ thể: $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 360 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 9.863.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất chậm trả:

Lãi suất từ ngày 13/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2024) là 37 tháng 03 ngày (1.113 ngày), cụ thể: $[(9.863.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 1.113 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 3.007.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất quá hạn:

Lãi suất từ ngày 13/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2024) là 37 tháng 03 ngày (1.113 ngày), cụ thể: $[(50.000.000 \text{ đồng} \times (20\% \times 150\% =) 30\%) \times 1.113 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 45.739.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng cộng lãi suất là 58.609.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là (50.000.000 đồng tiền gốc + 58.609.000 đồng tiền lãi) = 108.609.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Kh được chấp nhận, nên ông M, bà Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Kh thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Kh.

Buộc ông Hoàng Văn M và bà Mai Thị Ngọc Nh trả cho ông Lê Đình Kh 108.609.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn đồng), trong đó 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 58.609.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông M, bà Nh phải chịu 5.430.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng

dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND TX Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ